TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 340/2017/HNGĐ-ST
Ngày 10-10-2017
"V/v tranh chấp ly hôn giữa chị K và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dẫm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tuấn

2. Bà Võ Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2017 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 336/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trương Diễm K, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ 4, ấp Phú Hưng, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ 4, ấp Phú Hưng, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Doanh Nghiệp Tư Nhân Bắc Long Giang (Trại gà Bắc Long Giang), ấp 8, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai về việc ly hôn đề ngày 11/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trương Diễm K trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị và anh T có quen biết và yêu thương nhau trước, sau đó được sự đồng ý của cha, mẹ hai bên gia đình dẫn đến tổ chức lễ cưới vào năm 1993, có đăng ký kết hôn trễ hạn (theo giấy chứng nhận kết hôn số 124, quyển số I ngày 25/7/2002 do Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh, huyện Tân Châu, nay là thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, hiện chị và anh T đã sống ly thân và thời gian ly thân từ năm 2010 đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân, chị K và anh T không có gặp nhau hoặc liên lạc với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó chị K thấy cuộc sống tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ sống chung với nhau được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: Có 02 (hai) con chung tên Phan Thị Bảo Y, sinh năm 1994 (đã trưởng thành và đã có gia đình riêng) và Phan Thị Huỳnh V, sinh ngày 21/8/2004 hiện chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phan Thị Huỳnh V, sinh ngày 21/8/2004 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 07/9/2017, bị đơn anh Phan Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời khai của chị K về thời gian kết hôn và chung sống, có đăng ký kết hôn trễ hạn (theo giấy chứng nhận kết hôn số 124, quyển số I ngày 25/7/2002 do UBND xã Phú Vĩnh, huyện Tân Châu nay là thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, hiện anh và chị K đã sống ly thân và thời gian ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay chị K yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn với chị K.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Phan Thị Bảo Y, sinh năm 1994 (đã trưởng thành và đã có gia đình riêng) và Phan Thị Huỳnh V, sinh ngày 21/8/2004 hiện chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cho chị K được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phan Thị Huỳnh V, sinh ngày 21/8/2004 và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị K không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T đến Tòa án để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng

cứ và hòa giải, anh T có nộp bản tự khai ngày 07/9/2017 và có đơn xin vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; xét xử khi giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Trương Diễm K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 48, 70, 71, 72, 203 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Phan Văn T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 8, 9, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Diễm K với anh Phan Văn T; về nuôi con chung: Có 02 (hai) con chung tên Phan Thị Bảo Y, sinh năm 1994 (đã trưởng thành và đã có gia đình riêng) và Phan Thị Huỳnh V, sinh ngày 21/8/2004 hiện chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Công nhận sự thỏa thuận giữa anh T và chị K về việc giao con chung Phan Thị Huỳnh V, sinh ngày 21/8/2004 cho chị K được tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn, chị Trương Diễm K chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Trương Diễm K có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn T, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 4, ấp Phú Hưng, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Phan Văn T đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu triệu tập các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, anh T có đơn yêu cầu vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; xét xử khi giải quyết vụ án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phan Văn T.

[2] Về hôn nhân: Chị K và anh T tổ chức lễ cưới vào năm 1993, có đăng ký kết hôn trễ hạn (theo giấy chứng nhận kết hôn số 124, quyển số I ngày 25/7/2002 do Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh, huyện Tân Châu nay là thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp). Tại thời điểm kết hôn chị K và anh T đã đủ độ tuổi và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị K và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị K trình bày do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau và mâu thuẫn vẫn kéo dài, không hòa giải được. Chị và anh T đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị K yêu cầu được ly hôn và anh T đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy sự thỏa thuận đồng ý ly hôn của chị K và anh T không trái pháp luật nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Trương Diễm K và anh Phan Văn T.

[3] Về nuôi con chung: Có 02 đứa con chung tên Phan Thị Bảo Y, sinh năm 1994 (đã trưởng thành và đã có gia đình riêng) và Phan Thị Huỳnh V, sinh ngày 21/8/2004 hiện chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị K và anh T thống nhất thỏa thuận để chị K tiếp tục nuôi dạy con chung tên Phan Thị Huỳnh V, sinh ngày 21/8/2004 đó cũng là nguyện vọng của cháu V muốn tiếp tục sống chung với mẹ là chị K và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận sự thoả thuận của các đương sự.

Chị K tạo mọi điều kiện thuận lợi cho anh T trong việc đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo trình bày của chị K và anh T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Diễm K chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012186 ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 55, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Diễm K và anh Phan Văn T.

2. *Về nuôi con chung*: Có 02 đứa con chung tên Phan Thị Bảo Y, sinh năm 1994 (đã trưởng thành và đã có gia đình riêng) và Phan Thị Huỳnh V, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2004 hiện chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị K và anh T giao cháu Phan Thị Huỳnh V, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2004 cho chị K được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đó cũng là nguyện vọng của cháu Phan Thị Huỳnh V muốn tiếp tục sống chung với mẹ là chị Trương Diễm K. Anh Phan Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị K tạo mọi điều kiện thuận lợi cho anh T trong việc đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, chị K và anh T không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Trương Diễm K chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012186 ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã Phú Vĩnh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phạm Hữu Dẫm